

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Đơn vị chủ quản

Khách hàng (Header)

Khách hàng (văn bản)

Tên viết tắt

Địa chỉ

Điện thoại

Fax

Lĩnh vực kinh doanh

Loại hình báo cáo

Kỳ báo cáo (Header)

Kỳ báo cáo (văn bản)

Ngày kết thúc

Kỳ này

Kỳ trước

Phê duyệt báo cáo

Chức danh

Họ và tên

Bộ phận lập Báo cáo

Chức danh

Họ và tên

Điện thoại

Chức danh

Họ và tên

Ngày lập

Nơi lập

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2012

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín

VTSS

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phố Phan Bội Châu - Quận Hoàn Kiếm - TP Hà Nội

Chứng khoán

Báo cáo tài chính

cho Quý III kết thúc ngày 30/09/2012

cho Quý III kết thúc ngày 30/09/2012

ngày 30 tháng 09 năm 2012

Từ 1 tháng 07 đến hết 30 tháng 09 năm 2012

30/09/2012

Từ 1 tháng 07 đến hết 30 tháng 09 năm 2011

30/09/2011

Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ronald Nguyễn Anh Đạt

Phòng Kế toán

Kế toán

Nguyễn Thị Năm

0978.189.941

Người lập

Phạm Thị Thanh Hải

Ngày 15 tháng 10 năm 2012

Hà Nội



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2012 VND	01/07/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		130,434,413,786	124,472,912,719
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	9,078,017,793	11,993,844,573
111	1. Tiền		9,078,017,793	11,993,844,573
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14,836,046,904	14,836,046,904
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14,836,046,904	14,836,046,904
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		101,036,923,387	96,701,440,189
131	1. Phải thu của khách hàng		300,000,000	480,000,000
132	2. Trả trước cho người bán		23,113,594,272	22,638,385,174
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	6,894,326,367	3,782,055,310
138	5. Các khoản phải thu khác	7	70,879,002,748	69,950,999,705
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(150,000,000)	(150,000,000)
140	IV. Hàng tồn kho	8	-	92,323
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5,483,425,702	941,488,730
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		236,548,429	345,958,425
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	41,728,605	59,886,637
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	5,205,148,668	535,643,668
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33,465,503,139	33,527,822,267
220	II. Tài sản cố định		1,363,012,801	1,427,331,929
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	696,679,766	810,784,388
222	- Nguyên giá		4,687,160,921	4,687,160,921
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3,990,481,155)	(3,876,376,533)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	666,333,035	616,547,541
228	- Nguyên giá		1,971,239,400	1,831,239,400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,304,906,365)	(1,214,691,859)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	540,000,000	540,000,000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		540,000,000	540,000,000
260	V. Tài sản dài hạn khác		31,562,490,338	31,560,490,338
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	30,701,752,903	30,701,752,903
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	15	769,039,995	769,039,995
268	4. Tài sản dài hạn khác		91,697,440	89,697,440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		163,899,916,925	158,000,734,986

2.4
CƠ
CỔ
HỮU
VI
HOÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2012	01/07/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		23,919,320,214	18,060,348,443
310	I. Nợ ngắn hạn		23,919,320,214	18,060,348,443
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	6,391,049,465	6,391,049,465
312	2. Phải trả người bán		1,254,280,863	1,229,322,635
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	52,238,079	30,585,693
316	6. Chi phí phải trả	18	113,999,057	113,999,057
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	16,081,555,917	10,188,047,560
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		26,196,833	107,344,033
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		139,980,596,711	139,940,386,543
410	I. Vốn chủ sở hữu		139,980,596,711	139,940,386,543
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	138,000,000,000	138,000,000,000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,980,596,711	1,940,386,543
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		163,899,916,925	158,000,734,986

Người lập

Phạm Thị Thanh Hải

Kế toán

Nguyễn Thị Năm

Chủ tịch HĐQT



Ronald Nguyễn Anh Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 1/7/2012 đến 30/09/2012	Từ 1/7/2011 đến 30/09/2011
			VND	
01	1. Doanh thu	21	1,818,161,384	5,559,570,320
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		292,190,659	920,830,085
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		159,537,157	298,849,028
01.9	Doanh thu khác		1,366,433,568	4,339,891,207
			-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
			-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		1,818,161,384	5,559,570,320
			-	-
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	896,921,495	4,418,710,794
			-	-
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		921,239,889	1,140,859,526
			-	-
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	867,626,333	1,005,316,635
			-	-
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53,613,556	135,542,891
			-	-
31	8. Thu nhập khác		-	74,800,585
			-	-
40	10. Lợi nhuận khác		74,800,585	74,800,585
			-	-
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		53,613,556	210,343,476
			-	-
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	13,403,389	52,585,869
			-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		40,210,167	157,757,607
			-	-
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25		

Người lập



Phạm Thị Thanh Hải

Kế toán



Nguyễn Thị Năm

Chủ tịch HĐQT



Ronald Nguyễn Anh Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 1/7/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		53,613,556	210,343,476
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		204,319,128	243,308,620
03	Các khoản dự phòng		150,000,000	
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		88,046,379	-
06	Chi phí lãi vay		-	1,675,429,008
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		495,979,063	2,129,081,104
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(4,335,483,198)		10,619,956,398
10	Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư	-		23,304,719
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	5,858,971,771		(20,586,236,141)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước	(109,409,996)		(36,012,651)
13	Tiền lãi vay đã trả			(1,675,429,008)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21,652,386		356,530,805
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4,669,505,000)		(19,497,451)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	(2,737,794,974)		(9,188,302,225)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(140,000,000)		(192,826,794)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	(38,031,806)		13,810,024
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(178,031,806)		194,796,045
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	23,001,411,887
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay			-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 1/7/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/07/2011 đến 30/09/2011
			VND	VND
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	23,001,411,887
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2,915,826,780)	14,007,905,707
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		11,993,844,573	3,113,488,604
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	9,078,017,793	17,121,394,311

Người lập

Phạm Thị Thanh Hải

Kế toán

Nguyễn Thị Năm

Chủ tịch HĐQT



Ronald Nguyễn Anh Đạt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 107/UBCK-GPĐCCTCK ngày 12 tháng 02 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 191/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 02 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 361/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 84/GPĐC-UBCK ngày 04 tháng 05 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 138.000.000.000 đồng; tương đương 13.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chỉ phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết là giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của người đầu tư	9,978,740	134,799,314,000
- Cổ phiếu	9,978,740	134,799,314,000
	9,978,740	134,799,314,000

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Tiền	9,078,017,793	11,993,844,573
- Tiền mặt tại quỹ	9,051,717,439	10,883,696,860
- Tiền gửi ngân hàng	26,300,354	1,110,147,713
	9,078,017,793	11,993,844,573

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Chứng khoán thương mại		14,836,046,904
- Chứng khoán niêm yết	83,546,904	83,546,904
- Chứng khoán chưa niêm yết	14,752,500,000	14,752,500,000
	14,836,046,904	14,836,046,904

Tình hình đầu tư chứng khoán thương mại

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND
- Cổ phiếu Mai Linh Group	73,500	73,500	416,500,000	416,500,000
- Cổ phiếu Công ty CP Du lịch Huế	627,500	627,500	14,150,000,000	14,150,000,000
- Cổ phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10,000	-	186,000,000	186,000,000
- Cổ phiếu lẻ			83,546,904	83,546,904
			14,836,046,904	14,836,046,904

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

6 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	6,894,326,367	3,782,055,310
	6,894,326,367	3,782,055,310

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	-
Phải thu người lao động	-	17,285,011
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sông Hồng	43,807,002,748	40,807,002,748
Góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xăng dầu Việt Tín	25,000,000,000	27,000,000,000
Phải thu Công ty Vietnam Land	772,000,000	772,000,000
Phải thu Công ty tài chính Việt tín	1,300,000,000	-
Phải thu khác	-	1,354,711,946
	70,879,002,748	69,950,999,705

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	-	92,323
Cộng giá gốc hàng tồn kho	-	92,323

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	41,728,605	41,728,605
Các loại thuế khác	-	18,158,032
	41,728,605	59,886,637

10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Việt Nam Land tạm ứng	5,037,100,000	-
Tạm ứng khác	168,048,668	535,643,668
	5,205,148,668	535,643,668

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	1,831,239,400	1,831,239,400
Số tăng trong kỳ	140,000,000	140,000,000
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	1,971,239,400	1,971,239,400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	1,214,691,859	1,214,691,859
Số tăng trong kỳ	90,214,506	90,214,506
- Trích khấu hao	90,214,506	90,214,506
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	1,304,906,365	1,304,906,365
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu kỳ	616,547,541	616,547,541
Số dư cuối kỳ	666,333,035	666,333,035

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (*)	540,000,000	540,000,000
	540,000,000	540,000,000

(*) Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và kinh doanh BDS Nam Hà Nội.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Trả trước tiền thuê văn phòng ⁽¹⁾	30,616,760,000	30,616,760,000
Chi phí trả trước dài hạn khác	84,992,903	84,992,903
	30,701,752,903	30,701,752,903

(1) Theo hợp đồng thuê văn phòng giữa Bà Hoàng Ngân Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín ngày 02/01/2010, Công ty phải thanh toán tiền đặt cọc tương đương với mười lăm (15) năm tiền thuê nhà. Tiền thuê nhà của các lần thanh toán sẽ được trừ dần vào số tiền đã đặt cọc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

15 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	649,777,383	649,777,383
Tiền nộp bổ sung	61,732,019	61,732,019
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	57,530,593	57,530,593
Số dư cuối kỳ	769,039,995	769,039,995

16 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	6,391,049,465	6,391,049,465
- Vay cá nhân ⁽¹⁾	6,391,049,465	6,391,049,465
	6,391,049,465	6,391,049,465

(1) Các khoản vay cá nhân với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng thương mại mà Công ty đang giao dịch.

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	43,989,082	30,585,693
Thuế Thu nhập cá nhân	8,248,997	
	52,238,079	30,585,693

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Chi phí tiền điện	113,999,057	113,999,057
	113,999,057	113,999,057

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
 Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	32,855,000	29,610,200
Bảo hiểm xã hội	100,845,293	48,985,693
Bảo hiểm y tế	73,923,750	66,622,950
Phải trả người lao động	50,429,438	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15,210,951,383	10,039,977,002
Phải trả Knightfrank	595,100,000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17,451,053	2,851,715
	16,081,555,917	10,188,047,560

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của Công ty TNHH Đất Việt Nam	48.70%	67,206,000,000	48.70%	67,206,000,000
Vốn góp của Bà Hoàng Ngân Hà	48.31%	66,662,000,000	48.31%	66,662,000,000
Vốn góp của đối tượng khác	2.99%	4,132,000,000	2.99%	4,132,000,000
	100%	138,000,000,000	100%	138,000,000,000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	138,000,000,000	138,000,000,000
- Vốn góp đầu kỳ	138,000,000,000	138,000,000,000
- Vốn góp cuối kỳ	138,000,000,000	138,000,000,000

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13,800,000	13,800,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13,800,000	13,800,000
- Cổ phiếu phổ thông	13,800,000	13,800,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,800,000	13,800,000
- Cổ phiếu phổ thông	13,800,000	13,800,000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 1 /7/2012 đến 30/09/2012	Từ 1 /7/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		4,396,956,236
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1,658,624,227	5,260,721,292
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	159,537,157	298,849,028
- Doanh thu khác	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	1,818,161,384	4,396,956,236

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 1 /7/2012 đến 30/09/2012	Từ 1 /7/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	862,445,370	4,248,863,124
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6,150,000	30,298,160
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	7,830,000	38,574,731
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	19,074,611	93,971,646
Chi phí khác	1,421,514	7,003,132
	896,921,495	4,418,710,794

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 1 /7/2012 đến 30/09/2012	Từ 1 /7/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	548,652,331	635,722,193
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	5,651,250	6,548,090
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65,087,019	75,416,179
Chi phí dự phòng	5,637,500	6,532,158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115,441,419	133,761,706
Chi phí khác bằng tiền	127,156,814	147,336,308
	867,626,333	1,005,316,635

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 1 /7/2012 đến 30/09/2012	Từ 1 /7/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53,613,556	210,343,476
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		-
Tổng lợi nhuận tính thuế	53,613,556	210,343,476
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13,403,389	52,585,869
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13,403,389	52,585,869

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 1 /7/2012 đến 30/09/2012	Từ 1 /7/2011 đến 30/09/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	40,210,167	157,757,607
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40,210,167	157,757,607
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13,800,000	13,800,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3	11

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	30/09/2012		01/07/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,011,584,225		11,993,844,573	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	78,073,329,115	(150,000,000)	74,213,055,015	(150,000,000)
Đầu tư ngắn hạn	14,836,046,904		14,836,046,904	-
Đầu tư dài hạn	540,000,000		540,000,000	-
Cộng	102,460,960,244	(150,000,000)	101,582,946,492	(150,000,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

	Giá trị số kế toán	
	30/09/2012	01/07/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	6,391,049,465	6,391,049,465
Phải trả người bán, phải trả khác	17,335,836,780	11,417,370,195
Chi phí phải trả	113,999,057	113,999,057
	23,840,885,302	17,922,418,717

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ 01/07/2012 đến 30/09/2012

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/09/2012				
Vay và nợ	6,391,049,465	-	-	6,391,049,465
Phải trả người bán, phải trả khác	17,335,836,780	-	-	17,335,836,780
Chi phí phải trả	113,999,057	-	-	113,999,057
Cộng	23,840,885,302	-	-	23,840,885,302
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	6,391,049,465	-	-	6,391,049,465
Phải trả người bán, phải trả khác	11,417,370,195	-	-	11,417,370,195
Chi phí phải trả	113,999,057	-	-	113,999,057
Cộng	17,922,418,717	-	-	17,922,418,717

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/09/2012	01/07/2012
		VND	VND
Đặt cọc mua văn phòng			
- Bà Hoàng Ngân Hà	P. Chủ tịch HĐQT	22,638,385,174	22,638,385,174
Trả trước tiền thuê văn phòng			
- Bà Hoàng Ngân Hà	P. Chủ tịch HĐQT	30,616,760,000	30,616,760,000

Người lập



Phạm Thị Thanh Hải

Kế toán



Nguyễn Thị Năm

Chủ tịch HĐQT



Ronald Nguyễn Anh Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT TÍN

Tầng 1 & 2 - Số 40 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

II . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Số dư đầu kỳ
Số tăng trong kỳ
- Mua sắm mới

Số giảm trong kỳ
Số dư cuối kỳ

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu kỳ
Số tăng trong kỳ

- Trích khấu hao
- Tăng do phân loại lại

Số giảm trong kỳ
- Giảm do phân loại lại

Số dư cuối kỳ

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư đầu kỳ

Số dư cuối kỳ

Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND
259,674,360	1,505,810,000	2,921,676,561	-	4,687,160,921
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
259,674,360	1,505,810,000	2,921,676,561	-	4,687,160,921
216,395,310	956,816,781	2,703,164,442	-	3,876,376,533
6,369,790	28,164,761	79,570,071	-	114,104,622
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
-	-	-	-	-
222,765,100	984,981,542	2,782,734,513	-	3,990,481,155
43,279,050	548,993,219	218,512,119	-	810,784,388
36,909,260	520,828,458	138,942,048	-	696,679,766